

Bản án số: 05 /2019/HNGĐ-PT

Ngày: 31-01-2019

V/v Tranh chấp chia tài sản chung sau
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thanh Huyền.

2. Ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2018/QĐPT ngày 26/12/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lại Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 - Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Đồng thời Anh Đ là người kháng cáo (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: số 02 đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu X; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh NHNN và PTNT huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: đường N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2 - Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; trụ sở: số 169 phố L, phường H, quận HM, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trà Văn T; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao

dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: đường N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.3 - Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ Dân phố 1, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4 - Ông Trần Thế H, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.5 - Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948; Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.6 - Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1955; địa chỉ: thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.7 - Ông Phạm Văn V, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.8 - Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3.9 - Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lại Thị N trình bày:**

Chị N và anh Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 52/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L. Tại thời điểm ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản; nay anh chị có tranh chấp về tài sản chung nên chị yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của anh chị. Tài sản tranh chấp gồm có: Một căn nhà xây, 70 m² ở thôn Đ đã được UBND xã B xác nhận thuộc quyền sở hữu của vợ chồng. Bên cạnh nhà là mảnh vườn trồng 50 trụ tiêu từ năm 2014; hiện đang thế chấp vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L 100.000.000 đồng.

Khoảng 7000 m² đất đã trồng 700 cây cà phê, 300 trụ tiêu tại thôn S, xã B; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các vật dụng gồm: một bộ bàn ghế gỗ hương; một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha; một tủ lạnh hiệu Toshiba; một bộ bàn ghế gỗ xoan đào gồm 01 bàn lớn và 01 bàn nhỏ, 02 ghế nhỏ và 01 ghế dài; một lò quay thịt và khoản tiền mặt 50.000.000 đồng là tiền thu nhập từ 3 ha khoai môn, Anh Đ đang quản lý.

Ngoài ra khi kết hôn, chị N có số tiền 20.000.000 đồng là của hồi môn đã góp vào tài sản chung.

Về nợ: anh chị nợ các khoản gồm: Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện L 100.000.000 đồng; nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện L

30.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị L 50.000.000 đồng; nợ ông Trần Thế H 30.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999; nợ ông Nguyễn Văn S 30.000.000 đồng; nợ ông Vũ Mạnh H 33.970.000 đồng; nợ ông Phạm Văn V 9.000.000 đồng; nợ Ông Nguyễn Tiến N 3.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Huy K 10.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn T 30.075.000 đồng; nợ bà Võ Thị L 120.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị L 19.000.000 đồng.

Chị N yêu cầu chia đôi tài sản, công nợ và theo hướng chia hiện vật và chia phần đất rẫy cà phê, tiêu cho chị vì ngoài thửa đất này, chị không có tư liệu sản xuất nào khác và cũng không có nghề nghiệp gì để sinh sống.

***Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Căn nhà 70 m² ở thôn Đ, xã B, là tài sản nằm trên đất của ông Nguyễn Văn T (bố ruột Anh Đ), là đất nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn P từ đầu năm 2008, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có viết giấy tờ tay với nhau. Sau đó, ông T đã xây nhà cấp 4 trước khi anh chị kết hôn và cho anh chị chỉ ở tạm, nên đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T nên anh không chấp nhận chia căn nhà này.

Anh Đ thừa nhận anh chị có: Mảnh đất vườn trên diện tích 200m² bên cạnh nhà, tài sản trên đất có 50 trụ tiêu là của ông Nguyễn Văn T cho hai vợ chồng, nay đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh chị (đang thế chấp vay Ngân hàng) và 7000 m² đất rẫy, trên đất gồm có 600 cây cà phê, 400 trụ tiêu; hiện chưa được cấp bìa đỏ.

Vật dụng trong nhà đúng như chị N trình bày gồm: Một bộ bàn ghế gỗ tiện kiểu Salon từ gốc cây hương nhưng đã bán để trả nợ cho ông Nguyễn Văn T là 30.075.000 đồng; một chiếc xe mô tô, hiệu Yamaha; một tủ lạnh hiệu Tosiba; một bộ bàn ghế Salon, loại gỗ ép; một lò quay thịt heo.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng theo như chị N cho rằng là thu nhập từ 3 ha khoai môn thì Anh Đ cho rằng không có và yêu cầu chị N phải chứng minh rõ về khoản này.

Về công nợ, anh Nguyễn Văn Đ thừa nhận trước khi ly hôn, anh chị có nợ các khoản như chị N đã trình bày gồm nợ của chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT huyện L, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện L, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Thế H, ông Nguyễn Văn S, ông Vũ Mạnh H, ông Phạm Văn V, Ông Nguyễn Tiến N, ông Nguyễn Huy, ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị L và bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Văn T 200.000.000 đồng, số tiền này do ông T vay thế chấp chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L sau đó giao tiền cho hai vợ chồng Định, N mượn để đầu tư vào làm khoai. Nay Anh Đ yêu cầu Tòa án phân chia khoản nợ này, mỗi người một nửa.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT, Ngân hàng Chính sách xã hội, chị Nguyễn Thị L, ông Trần Thế H, ông Nguyễn Văn S, ông Vũ Mạnh H, ông Phạm Văn V, Nguyễn Huy K đều xác nhận số nợ như chị N, Anh Đ trình bày.

Ông Nguyễn Tiến N, ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị L, bà Nguyễn Thị L đều thừa nhận Anh Đ, chị N đã trả xong nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng số nợ 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T thì chị Lại Thị N và anh Nguyễn Văn Đ không thống nhất được với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được giá tài sản tranh chấp, không thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để thẩm định giá tài sản nên đã yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản làm cơ sở phân chia. Ngày 31/5/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện L định giá tài sản tranh chấp như sau:

Một thửa đất vườn ở nông thôn, diện tích 200 m² trên đất có 40 trụ tiêu, 02 cây xoài; trị giá 101.433.600 đồng.

Một thửa đất rẫy 7000 m²; trên đất có: 450 cây cà phê loại c (từ năm thứ 1 - năm 3) 200 cây cà phê loại c (chăm sóc năm thứ 2), 50 trụ tiêu loại c (Từ năm 1 - năm 2), 250 trụ tiêu loại c (giai đoạn chăm sóc năm 2); trị giá đất và tài sản trên đất là 114.458.400 đồng.

Một căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền xi măng, diện tích là 67,32 m², nằm trên đất trồng lúa diện tích là 253,14 m²; chưa được cấp GCNQSDĐ tại thôn Đ, xã B; cả đất và nhà trị giá 70.762.646 đồng.

Các vật dụng: bộ bàn ghế Salon gỗ ép, trị giá 1.950.000 đồng; tủ lạnh hiệu Toshiba, trị giá 2.100.000 đồng; xe mô tô, hiệu Yamaha, trị giá 3.500.000 đồng (hai bên tự thỏa thuận giá); Lò quay thịt, trị giá 3.500.000 đồng.

***Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ các Điều 33, 37, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 165, 166, 220, 235, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly

hôn của chị Lại Thị N đối với anh Nguyễn Văn Đ.

Tài sản chung được phân chia như sau:

Chia cho chị Lại Thị N được hưởng tài sản gồm một rẫy cà phê diện tích 7000 m² và tài sản trên đất gồm 450 cây cà phê loại c (Từ năm thứ 1 - năm thứ 3); 200 cây cà phê loại c (chăm sóc năm thứ 2), 50 trụ tiêu loại c (Từ năm thứ 1 - năm thứ 2), 250 trụ tiêu loại c (giai đoạn chăm sóc năm thứ 2); tài sản chị Lại Thị N được hưởng là 114.458.400 đồng.

Chia cho anh Nguyễn Văn Đ được hưởng 200 m² đất tại thôn Đ, xã B (thửa 562 tờ bản đồ 12 theo GCNQSD đất số BG 661387) và tài sản trên đất gồm 40 trụ tiêu, 02 cây xoài; trị giá đất và tài sản trên đất là 101.433.600 đồng.

Chia cho anh Nguyễn Văn Đ được hưởng những vật dụng gồm: bộ bàn ghế Salon gỗ ép, trị giá 1.950.000 đồng; chiếc tủ lạnh hiệu Toshiba, trị giá 2.100.000 đồng; chiếc xe mô tô, hiệu Yamaha, trị giá: 3.500.000 đồng; một lò quay thịt, trị giá: 3.500.000 đồng;

Tổng tài sản Anh Đ được hưởng là 112.483.600 đồng.

Chị Lại Thị N phải thanh toán chênh lệch tài sản chung cho anh Nguyễn Văn Đ là 987.400đ (Chín trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

2. Về các khoản nợ chung được phân chia như sau:

2.1. Chị Lại Thị N phải trả những khoản nợ cụ thể:

Trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (trả qua chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L) số tiền gốc là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và khoản tiền lãi tương ứng theo hợp đồng tín dụng số: 5211-LAV-2017 01038 ngày 17/03/2017.

Trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (trả qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L) số tiền gốc là: 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn số: 4100067421 ngày 07/10/2016.

Trả bà Nguyễn Thị L 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Trả ông Trần Thế H 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và 2,5 (Hai phẩy năm) chỉ vàng 9999.

Trả ông Nguyễn Văn S 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Trả ông Vũ Mạnh H 16.985.000 (Mười sáu triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Trả ông Phạm Văn V 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Trả ông Nguyễn Huy K 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

2.2. Anh Nguyễn Văn Đ phải trả những khoản nợ cụ thể:

Trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (trả qua chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L) số tiền gốc là

50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và khoản tiền lãi tương ứng theo hợp đồng tín dụng số: 5211 -LAV-2017 01038 ngày 17/03/2017.

Trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (trả qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L) số tiền gốc là: 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn số: 4100067421 ngày 07/10/2016.

Trả bà Nguyễn Thị L 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Trả ông Trần Thế H 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và 2,5 (Hai phẩy năm) chỉ vàng 9999.

Trả ông Nguyễn Văn S 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Trả ông Vũ Mạnh H 16.985.000 (Mười sáu triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Trả ông Phạm Văn V 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Trả ông Nguyễn Huy K 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng chị Lại Thị N, anh Nguyễn Văn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lại Thị N về yêu cầu chia ngôi nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, nền xi măng với diện tích 67,32m² trên diện tích đất 252.14m² tại thôn Đ, xã B, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk; Không chấp nhận yêu cầu chia số tiền 50.000.000 đồng mà chị N cho là thu nhập từ làm khoai môn của vợ chồng.

4. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu của nguyên đơn về chia các tài sản và khoản nợ cụ thể như sau:

Khoản tiền “hồi môn” 20.000.000 đồng; bộ bàn ghế gỗ tiện (hình con rồng) kiểu Salon, gỗ gốc cây hương; số tiền 3.000.000 đồng của Ông Nguyễn Tiến N; số tiền 19.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L; số tiền 30.075.000 đồng của ông Nguyễn Văn T và 120.000.000 đồng của bà Võ Thị L.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn Đ về việc phân chia số nợ 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn T.

6. Về chi phí định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải thanh toán cho chị Lại Thị N số tiền 500.000 đồng chi phí định giá tài sản.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lại Thị N và anh Nguyễn Văn Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh huyện Lăk không phải chịu án phí; hoàn trả lại

cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L 2.915.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001585 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án còn quyết định quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/10/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk, cho rằng: Tòa án nhân dân huyện L xét xử và quyết định là đánh giá, xác định và phân chia tài sản chung, nợ chung chưa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tôi. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm định giá tài sản chung là thửa đất rẫy với giá quá thấp, không phù hợp với giá thị trường. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án để phân chia tài sản chung, nợ chung của Anh Đ với chị Lại Thị N theo đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ngày 22/01/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Lại Thị N và bị đơn Nguyễn Văn Đ tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

* **Về tài sản:** Chị Lại Thị N đồng ý giao toàn bộ tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của 2 anh chị cho anh Nguyễn Văn Đ gồm:

- Một thửa đất vườn ở thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 200 m² trên đất trồng 40 trụ tiêu, 02 cây xoài; trị giá 101.433.600 đồng.

- Một thửa đất rẫy 7000 m², ở Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có: 450 cây cà phê loại c (từ năm thứ 1 - năm 3) 200 cây cà phê loại c (chăm sóc năm thứ 2), 50 trụ tiêu loại c (Từ năm 1 - năm 2), 250 trụ tiêu loại c (giai đoạn chăm sóc năm 2); trị giá đất và tài sản trên đất là 114.458.400 đồng.

- Các vật dụng: bộ bàn ghế Salon gỗ ép, trị giá 1.950.000 đồng; tủ lạnh hiệu Toshiba, trị giá 2.100.000 đồng; xe mô tô, hiệu Yamaha, trị giá 3.500.000 đồng (hai bên tự thỏa thuận giá); Lò quay thịt, trị giá 3.500.000 đồng.

* **Về nợ chung:** Anh Nguyễn Văn Đ đồng ý có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của 2 anh chị gồm:

- Trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (trả qua chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L) số tiền gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi tương ứng theo hợp đồng tín dụng số: 5211 – LAV - 2017 01038 ngày 17/03/2017.

- Trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (trả qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L) số tiền gốc là: 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn số: 4100067421 ngày 07/10/2016.

- Trả bà Nguyễn Thị L 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Trả ông Trần Thế H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 05 (Năm) chỉ vàng 9999.

- Trả ông Nguyễn Văn S 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Trả ông Vũ Mạnh H 33.970.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Trả ông Phạm Văn V 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Trả ông Nguyễn Huy K 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

* *Về chi phí định giá tài sản:* Chị Lại Thị N tự nguyện chịu số tiền 1.000.000 đồng chi phí định giá tài sản (đã thu và thanh toán xong).

Đồng thời anh Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phúc thẩm rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Nguyễn Thị N về việc phân chia số nợ 200.000.000đồng của ông Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm giữa các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận này không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên nội dung thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 299; Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm – Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm Anh Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia số nợ 200.000.000đồng của ông Nguyễn Văn T. Về nội dung này, HĐXX phúc thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 22/01/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Lại Thị N và bị đơn Nguyễn Văn Đ tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và được sự đồng ý của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cụ thể như sau.

* *Về tài sản:* Chị Lại Thị N đồng ý giao toàn bộ tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của 2 anh chị cho anh Nguyễn Văn Đ gồm:

- Một thửa đất vườn ở thôn, Đông Giang 01, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk diện tích 200 m² trên đất có 40 trụ tiêu, 02 cây xoài; trị giá 101.433.600 đồng.

- Một thửa đất rẫy 7000 m², ở tại Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk trên đất có: 450 cây cà phê loại c (từ năm thứ 1 - năm 3) 200 cây cà phê loại c (chăm sóc năm thứ 2), 50 trụ tiêu loại c (Từ năm 1 - năm 2), 250 trụ tiêu loại c (giai đoạn chăm sóc năm 2); trị giá đất và tài sản trên đất là 114.458.400 đồng.

- Các vật dụng: bộ bàn ghế Salon gỗ ép, trị giá 1.950.000 đồng; tủ lạnh hiệu Toshiba, trị giá 2.100.000 đồng; xe mô tô, hiệu Yamaha, trị giá 3.500.000 đồng (hai bên tự thỏa thuận giá); Lò quay thịt, trị giá 3.500.000 đồng.

*** Về nợ chung:** Anh Nguyễn Văn Đ đồng ý có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của 2 anh chị gồm:

- Trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (trả qua chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L) số tiền gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi tương ứng theo hợp đồng tín dụng số: 5211 – LAV - 2017 01038 ngày 17/03/2017.

- Trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (trả qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L) số tiền gốc là: 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn số: 4100067421 ngày 07/10/2016.

- Trả bà Nguyễn Thị L 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Trả ông Trần Thế H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 05 (Năm) chỉ vàng 9999.

- Trả ông Nguyễn Văn S 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng.)

- Trả ông Vũ Mạnh H 33.970.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Trả ông Phạm Văn V 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Trả ông Nguyễn Huy K 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

*** Về chi phí định giá tài sản:** Chị Lại Thị N tự nguyện chịu số tiền 1.000.000 đồng chi phí định giá tài sản (đã thu và thanh toán xong).

Xét việc các đương sự tự thỏa thuận với nhau và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa thấy rằng: Việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự - Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các Điều 33, 37, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 165, 166, 220, 235, điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1/ Về tài sản: Chị Lại Thị N đồng ý giao toàn bộ tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của 2 anh chị cho anh Nguyễn Văn Đ gồm:

- Một thửa đất vườn ở thôn, Đông Giang 1, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 200 m² trên đất có ngôi nhà xây 70m², trồng 40 trụ tiêu, 02 cây xoài; trị giá 101.433.600 đồng.

- Một thửa đất rẫy 7000 m², ở thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk trên đất có: 450 cây cà phê loại c (từ năm thứ 1 - năm 3) 200 cây cà phê loại c (chăm sóc năm thứ 2), 50 trụ tiêu loại c (Từ năm 1 - năm 2), 250 trụ tiêu loại c (giai đoạn chăm sóc năm 2); trị giá đất và tài sản trên đất là 114.458.400 đồng.

- Các vật dụng: bộ bàn ghế Salon gỗ ép, trị giá 1.950.000 đồng; tủ lạnh hiệu Toshiba, trị giá 2.100.000 đồng; xe mô tô, hiệu Yamaha, trị giá 3.500.000 đồng; Lò quay thịt, trị giá 3.500.000 đồng.

2/ Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (trả qua chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L) số tiền gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi tương ứng theo hợp đồng tín dụng số: 5211 – LAV - 2017 01038 ngày 17/03/2017.

- Trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (trả qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L) số tiền gốc là: 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong sổ vay vốn số: 4100067421 ngày 07/10/2016.

- Trả bà Nguyễn Thị L 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Trả ông Trần Thế H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 05 (Năm) chỉ vàng 9999.

- Trả ông Nguyễn Văn S 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Trả ông Vũ Mạnh H 33.970.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

- Trả ông Phạm Văn V 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Trả ông Nguyễn Huy K 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Nguyễn Thị N về việc phân chia số nợ 200.000.000đồng của ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng chị Lại Thị N, anh Nguyễn Văn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3/ Về chi phí định giá tài sản: Chị Lại Thị N tự nguyện chịu số tiền 1.000.000 đồng chi phí định giá tài sản (đã thu và thanh toán xong).

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lại Thị N và anh Nguyễn Văn Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L 2.915.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001585 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Bằng

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Huyền

Trần Anh Tuấn

Nguyễn Văn Bằng